**Toán (Tăng)**

## ÔN TẬP VỀ PHÂN SỐ

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**:

* Ôn tập, củng cố nhận biết được khái niệm phân số (thông qua hình ảnh trực quan),về tử số và mẫu số; đọc, viết các phân số.
* Ôn tập tính chất cơ bản của phân số; so sánh, sắp xếp các phân số.
* Vận dụng kiến thức về phân số đã học vào giải quyết tình huống gắn với thực tế.

**2. Năng lực**:

* Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học, biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia tích cực vào hoạt động luyện tập, làm bài tập củng cố.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.
* Năng lực tư duy và lập luận toán học: Ôn luyện cách đọc, viết phân số; tính chất cơ bản của phân số; so sánh, sắp xếp các phân số.
* Năng lực giải quyết các vấn đề toán học: Vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết một số tính huống gắn với thực tế.

**3. Phẩm chất**:

* Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
* Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
* Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***- Đối với giáo viên***: Phiếu bài tập, bảng phụ

***- Đối với học sinh:*** Đồ dùng học tập (bút, thước, vở ghi, nháp…).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A. Hoạt động khởi động**- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi ***“Ai nhanh, ai đúng”*** trả lời các câu hỏi về phân số+ Tổ chức chơi: GV cho HS thực hiện cá nhân, thời gian 4 – 5 phút.***+ Cách chơi:*** GV đọc xong câu hỏi, đồng thời bắt đầu bấm giờ thì mỗi học sinh ghi lại đáp án vào bảng đen. Hết giờ, GV mời HS có đáp án nhanh nhất trả lời. Nếu trả lời đúng sẽ được thưởng 1 tràng vỗ tay.- GV nhận xét, tuyên dương, sau đó dẫn dắt vào bài ôn tập**C. Hoạt động luyện tập*****Bài tập 1:*** \* Viết các phân số sau:

|  |
| --- |
| a) “Mười hai phần ba mươi chín”; |
| b) “Năm mươi tám phần sáu mươi ba”; |
| c) “Hai mươi hai phần hai mươi lăm”; |
| d) “Một trăm linh tư phần một trăm mười một”. |

\* Đọc các phân số sau:

|  |  |
| --- | --- |
| a) $\frac{14}{17}$; | b) $\frac{1}{58}$; |
| c) $\frac{105}{19}$; | d) $\frac{64}{99}$. |

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập cá nhân.- GV gọi 2 HS lên bảng thực hiện, mỗi HS một phần.- GV mời HS nhận xét bài làm trên bảng.- GV chốt đáp án.***Bài tập 2:*** Rút gọn các phân số sau:

|  |  |
| --- | --- |
| a) $\frac{40}{24}$; | b) $\frac{304}{118}$; |
| c) $\frac{132}{154}$; | d) $\frac{11}{198}$. |

- GV cho HS làm bài cá nhân.- GV mời 2 HS lên bảng, mỗi HS một phần.- HS còn lại quan sát, nhận xét.- GV chốt đáp án đúng.***Bài tập 3:*** Quy đồng mẫu số các phân số sau:

|  |  |
| --- | --- |
| a) $\frac{3}{4}$ và $\frac{1}{24}$; | b) $\frac{11}{30};\frac{1}{6}$ và $\frac{22}{5}$; |

- GV cho HS làm bài cá nhân.- GV thu vở chấm 3 HS bất kì và gọi 4 HS lên bảng, mỗi bạn một phần.- Cả lớp chú ý lắng nghe, nhận xét bài làm của bạn.- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).***Bài tập 4:*** Cho các phân số sau:$\frac{21}{40};\frac{1}{8};\frac{13}{10}$ và $\frac{9}{5}$.a) Sắp xếp các phân số trên theo thứ tự từ bé đến lớn?b) Sắp xếp các phân số trên theo thứ tự từ lớn đến bé.- GV cho HS làm bài cá nhân vào vở.- GV thu chấm vở của 3 HS hoàn thành nhanh nhất.- GV mời 1 HS lên bảng trình bày bài giải.- GV nhận xét, chốt đáp án.***Bài tập 5:***Tính.

|  |  |
| --- | --- |
| a) $\frac{4×25×7}{5×10×21}$; | b) $\frac{2×5×11}{3×11×5}$; |
| c) $\frac{3×4×7}{12×8×9}$; | d) $\frac{4×5×6}{12×10×8}$. |

- GV cho HS làm bài cá nhân.- GV mời 2 HS lên bảng, mỗi bạn hai phần.- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).**D. Hoạt động vận dụng**- GV phát Phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS hoàn thành vào phiếu (hoàn thành tại nhà nếu hết thời gian). | - HS chú ý lắng nghe, quan sát và thực hiện yêu cầu của GV.***Đáp án bài 1:***Viết các phân số:

|  |  |
| --- | --- |
| **a**) $\frac{12}{39}$; | **b)** $\frac{58}{63}$; |
| **c)** $\frac{22}{25}$; | **d)** $\frac{104}{111}$. |

Đọc các phân số:

|  |
| --- |
| **a)** “Mười bốn phần mười bảy”; |
| **b)** “Một phần năm mười tám”; |
| **c**) “Một trăm linh năm phần mười chín”; |
| **d)** “Sáu mươi tư phần chín mươi chín”. |

- HS đối chiếu kết quả, sửa bài.***Đáp án bài 2:***Rút gọn các phân số:

|  |  |
| --- | --- |
| **a)** $\frac{40}{24}=\frac{5}{3}$; | **b)** $\frac{304}{118}=\frac{152}{59}$; |
| **c)** $\frac{132}{154}=\frac{6}{7}$; | **d)** $\frac{11}{198}=\frac{1}{18}$. |

- HS đối chiếu kết quả, sửa bài.***Đáp án bài 3:***

|  |
| --- |
| **a)** Ta có: $\frac{3}{4}=\frac{3×6}{4×6}=\frac{18}{24}$; giữ nguyên $\frac{1}{24}$. |
| **b)** Ta có: $\frac{1}{6}=\frac{1×5}{6×5}=\frac{5}{30}$; $\frac{22}{5}=\frac{22×6}{5×6}=\frac{132}{30}$; giữ nguyên $\frac{11}{30}$. |

- HS quan sát, sửa bài.***Đáp án bài 4:*****a)** Thứ tự từ bé đến lớn là:$\frac{1}{8};\frac{21}{40};\frac{13}{10}$ và $\frac{9}{5}$.**b)** Thứ tự từ lớn đến bé là:$\frac{9}{5};\frac{13}{10};\frac{21}{40}$ và $\frac{1}{8}$.- HS đối chiếu kết quả, sửa bài.***Đáp án bài 5:***

|  |
| --- |
| **a)** $\frac{4×25×7}{5×10×21}=\frac{4×5×1}{1×10×3}=\frac{20}{30}=\frac{2}{3}$; |
| **b)** $\frac{2×5×11}{3×11×5}=\frac{2}{3}$; |
| **c)** $\frac{3×4×7}{12×8×9}=\frac{1×1×7}{3×8×3}=\frac{7}{72}$; |
| **d)** $\frac{4×5×6}{12×10×8}=\frac{1×1×1}{2×2×2}=\frac{1}{8}$. |

- HS đối chiếu kết quả, sửa bài.- HS hoàn thành phiếu bài tập theo yêu cầu của GV. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

..……………………………………………………………………………………………………………………………………………….…….……..………………\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_